

Bản án số: **253** /2021/HNGĐ-ST.

Ngày 16 / 8 /2021

Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thảo**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Tân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Như Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Chu Thị N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 17, xã K, thành phố T, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm 17, xã K, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Phú, huyện Yên Sơn (nay là xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang) tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng gia đình anh T tại xóm 17, xã K, thành phố T. Theo chị N, quá trình chung sống vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau dẫn đến cãi cọ, vợ chồng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được hoà giải nhiều lần nhưng không có gì thay đổi, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Chị Chu Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/10/2009 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 25/02/2014. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi con nhỏ Nguyễn Khánh L để anh T trực tiếp nuôi con lớn Nguyễn Quang H, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Chu Thị N xác định chị và anh Nguyễn Văn T có tài sản chung nhưng sẽ tự thỏa thuận, vay nợ chung không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần báo gọi làm việc, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2021, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và cô Chu Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó về chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh tại xóm 17, xã K, thành phố T được vài năm thì bố mẹ anh tách cho vợ chồng anh ở riêng trên đất sát bên cạnh nhà ông bà. Quá trình sinh sống bình thường đến năm 2020 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do khoảng 4 – 5 năm trở lại đây cô N đi làm công nhân khu công nghiệp Bắc Ninh có hiện tượng ngoại tình dẫn đến vợ chồng xô sát cãi vã, anh có đánh cô N một lần, từ đó vợ chồng không nói chuyện với nhau được nữa. Cô N bỏ nhà đi từ đầu năm 2021, anh không rõ đi đâu, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm, không gặp mặt và không liên lạc gì. Anh thường xuyên đi làm xa ít về nhà nên cũng không rõ cô N có về thăm 02 con hiện đang ở với ông bà nội hay không. Nay cô N xin ly hôn, do bận công việc và do dịch Covid nên anh không đến Toà án làm việc, anh xác định không còn tình cảm với cô N, anh đồng ý ly hôn.

Anh đồng ý với ý kiến của cô N là anh sẽ nuôi con trai lớn Nguyễn Quang H giao cho cô N nuôi con trai thứ hai Nguyễn Khánh L, anh và cô N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh và cô Chu Thị N tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung trong quá trình chung sống.

** Kết quả xác minh với gia đình của anh Nguyễn Văn T thể hiện:* Anh T và chị N kết hôn theo quy định pháp luật, sau khi cưới anh chị chung sống với gia đình chồng khoảng 2 năm thì tách ra ở riêng. Anh T làm nghề thợ xây còn chị N đi làm công ty. Cuộc sống vợ chồng anh chị ban đầu không có gì mâu thuẫn, đến năm 2021 thì có việc anh T đi làm có chụp ảnh với bạn đăng lên Facebook, chị N thấy bức ảnh nên phát sinh ghen tuông, mâu thuẫn vợ chồng. Chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ và làm đơn ra Toà ly hôn anh T, gia đình đã hết sức khuyên giải nhưng chưa có kết quả, đề nghị Toà án hoà giải để anh chị N – T đoàn tụ cho con đỡ khổ. Anh chị N - T không có quyền sử dụng đất, đồ dùng sinh hoạt không có tài sản gì có giá trị, cũng không thấy anh chị có hiện tượng nợ nần của ai.

** Kết quả xác minh với gia đình của chị Chu Thị N thể hiện:* Anh chị N – T tự nguyện kết hôn theo quy định pháp luật, sau khi cưới anh chị chung sống cùng gia đình chồng. Nhìn chung cuộc sống chung của anh chị không hoà thuận hạnh phúc vì anh T hay rượu chè không tu chí làm ăn, không lo kinh tế gia đình cùng vợ con. Vợ chồng hay

xô sát cãi vã, có lần chị N đã đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ, sự việc phải có sự can thiệp hoà giải của hai bên gia đình nội ngoại mới tạm ổn, sau đó anh chị đoàn tụ chung sống tuy nhiên vẫn thường xuyên mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

** Kết quả xác minh với chính quyền cơ sở thể hiện:* Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị N kết hôn và sinh sống tại xóm 17, xã K, thành phố T. Cuộc sống chung của anh chị có những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày do bất đồng quan điểm. Anh T làm thợ xây ít khi ở nhà. Khoảng từ đầu năm nay nghe nói chị N về ở nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân.

Do anh Nguyễn Văn T không có mặt tại các buổi làm việc theo các giấy báo và thông báo của Toà án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên toà, chị Chu Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và nuôi dưỡng con chung Nguyễn Khánh L để anh T nuôi dưỡng con Nguyễn Quang H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Ngoài ra chị N không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề nào khác. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng phía bị đơn chấp hành chưa nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại UBND xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và anh T cũng nhất trí ly hôn với chị N. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Chu Thị N; Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 25/02/2014 và giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/10/2009, chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai có yêu cầu. Về tài sản và vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự xác định tự thỏa thuận về tài sản và không có vay nợ. Chị Chu Thị N phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (tổng đạt trực tiếp, gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, chị Chu Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều

227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật, như vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nhưng không hoà giải được nên đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không còn quan tâm hoặc liên lạc gì. Chị N có đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình Toà án giải quyết, anh T tự khai nhất trí ly hôn với chị N nhưng không có mặt tại các phiên họp và phiên hoà giải do Toà án tiến hành.

Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng thực sự trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị Chu Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/10/2009 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 25/02/2014. Anh chị thống nhất được về việc mỗi người nuôi một nuôi con chung sau ly hôn và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của chị N và anh T về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Do hiện tại chị N và anh T không ai có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản và không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 166, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Chu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 25/02/2014 cho chị Chu Thị N; giao con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/10/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau (do hiện tại không ai có yêu cầu). Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Chu Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000936 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Chu Thị N đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

Chị Chu Thị N và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã Kim Phú, Tp Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

